

Số: 564/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy
cho sinh viên khóa 21T4 và các khóa xét lại tốt nghiệp tháng 9/2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý các Trường Cao đẳng công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-LTT-TC ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về kiện toàn Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm học 2023 -2024;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp Trung cấp cho sinh viên các khóa năm học 2023 -2024 ngày 19 tháng 9 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy cho **561** sinh viên khóa 21T4 và các khóa xét lại tốt nghiệp (*danh sách đính kèm*).

Điều 2. Sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TS-ĐT (Thư 2b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Đinh Văn Đệ

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 21T4 VÀ KHÓA CŨ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP
THÁNG 9/2024**

(Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 9 năm 2024
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
1	17000789	Phạm Văn Thanh	Vũ	Nam	12/10/2002	17T4-CCK1	6,15	Trung bình	X	A	NVQS
2	17004812	Hồ Lê	Khoa	Nam	27/03/2002	17T4-QTM1	5,93	Trung bình		A	DQTV
3	18000786	Mã Khánh	Duy	Nam	09/12/2003	18T4-KML1	5,89	Trung bình			DQTV
4	18000437	Mai Hồng	Phát	Nam	22/08/2003	18T4-LTM1	5,69	Trung bình		A	Điểm b, khoản 2, điều 3 Quy chế 713
5	19002006	Vũ Hoàng	Lân	Nam	19/05/2004	19T4-CCK1	7,59	Khá	X		
6	19001757	Tô Bùi Thế	Vinh	Nam	04/11/2002	19T4-CKC1	6,84	Trung bình			
7	19000058	Huỳnh Phước	Quang	Nam	18/09/2004	19T4-CKC2	5,72	Trung bình		B	
8	19003480	Hoàng Quốc	Hiếu	Nam	10/09/2001	19T4-ĐCN2	5,88	Trung bình	X	TOEIC 350	
9	19001158	Bùi Trần Gia	Huy	Nam	26/04/2004	19T4-LTM2	7,05	Khá		TOEIC 350	
10	19001270	Hồ Trọng	Phúc	Nam	01/09/2004	19T4-LTM2	7,03	Khá			
11	19003573	Lê Viết	Thông	Nam	12/10/2004	19T4-NNA3	6,49	Trung bình		X	
12	19000376	Đặng Minh	Cường	Nam	26/07/2004	19T4-QTD1	6,59	Trung bình			
13	19001361	Dương Trịnh Duy	Khang	Nam	24/05/2004	19T4-TKW1	6,69	Trung bình			
14	19004025	Tạ Đình Minh	Đức	Nam	30/09/2003	19T4-VSL2	6,27	Trung bình			
15	20002249	Nguyễn Trần Đăng	Khôi	Nam	28/01/2005	20T4-CKC1	6,65	Trung bình		TOEIC 350	
16	20001739	Bùi Dương	Huy	Nam	26/10/2000	20T4-CKL1	6,81	Trung bình	X		
17	20001071	Nguyễn Cao Thanh	Sang	Nam	29/09/2005	20T4-CMT1	6,03	Trung bình			
18	20001491	Lê Đình Châu	Tuấn	Nam	01/01/2005	20T4-CMT1	6,22	Trung bình			
19	20002436	Nguyễn Vũ Mạnh	Phước	Nam	01/02/2004	20T4-CNL1	6,23	Trung bình	X	TOEIC 300	
20	20000115	Thiều Đình	Sơn	Nam	23/04/2004	20T4-CN01	5,88	Trung bình	X	TOEIC 300	
21	20001053	Nguyễn Tuấn	Phát	Nam	26/02/2005	20T4-CN04	6,37	Trung bình	X	TOEIC 400	
22	20001987	Hồng Chí	Bảo	Nam	11/03/2005	20T4-ĐHD1	6,47	Trung bình			
23	20002266	Lâm Quang	Long	Nam	02/06/2005	20T4-ĐHD1	8,82	Giỏi			
24	20001878	Đàm Nhật	Minh	Nam	15/01/2005	20T4-ĐHD1	6,86	Trung bình			
25	20001391	Nguyễn Vương Thảo	Nguyễn	Nữ	15/08/2005	20T4-ĐHD1	7,34	Khá			
26	20002011	Đỗ Quang	Trung	Nam	01/02/2005	20T4-ĐHD1	6,63	Trung bình			
27	20000170	Trịnh Minh	Vũ	Nam	03/10/2005	20T4-ĐHD1	6,28	Trung bình			
28	20001512	Dương Anh	Triết	Nam	08/10/2005	20T4-KLB1	6,56	Trung bình	X		
29	20002199	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	16/09/2005	20T4-KTD1	6,67	Trung bình	X		
30	20001440	Nguyễn Hoàng	Lân	Nam	23/05/2005	20T4-NNA2	6,72	Trung bình	X	X	
31	20000506	Hồ Huệ	Tâm	Nữ	26/10/2005	20T4-QNH1	6,54	Trung bình		TOEIC 300	
32	20002213	Vũ Nguyễn Nhật	Nam	Nam	06/01/2005	20T4-QTM1	6,02	Trung bình		TOEIC 350	
33	20000375	Nguyễn Minh	Trí	Nam	12/11/2005	20T4-QTM1	5,85	Trung bình			
34	20003202	Trần Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	04/11/2005	20T4-QTM2	6,02	Trung bình		TOEIC 300	
35	20003140	Lê Thanh Tuyết	Nhi	Nữ	17/08/2005	20T4-TCĐ1	6,45	Trung bình			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
36	20000355	Nguyễn Phạm Hoàng	Khôi	Nam	03/05/2005	20T4-THU1	6,04	Trung bình		TOEIC 350	
37	20000443	Nguyễn Anh	Thị	Nam	22/10/2004	20T4-TKĐ1	6,73	Trung bình		TOEIC 300	
38	20000641	Huỳnh Thuận	Toàn	Nam	09/03/2005	20T4-TKĐ3	6,25	Trung bình		TOEIC 300	
39	20002572	Nguyễn Trọng	Tín	Nam	28/02/2005	20T4-TMĐ1	6,53	Trung bình	X	TOEIC 300	
40	21002550	Đặng Đoàn Hồng	Ân	Nam	23/07/2006	21T4-ANM1	6,59	Trung bình			
41	21002431	Lê Kim	Anh	Nữ	31/08/2006	21T4-ANM1	7,85	Khá			
42	21002598	Nguyễn Thành Quốc	Bảo	Nam	02/11/2006	21T4-ANM1	7,61	Khá			
43	21000632	Trần Gia	Bảo	Nam	12/07/2002	21T4-ANM1	8,61	Giỏi			
44	21002773	Hồ Tuấn	Đạt	Nam	10/02/2006	21T4-ANM1	7,17	Khá			
45	21004041	Nguyễn Bùi Đình	Hậu	Nam	02/03/2006	21T4-ANM1	7,20	Khá			
46	21003168	Võ Minh	Nhật	Nam	16/11/2006	21T4-ANM1	6,56	Trung bình			
47	21000391	Võ Hồng	Phúc	Nam	05/12/2006	21T4-ANM1	6,97	Trung bình			
48	21003924	Hồ Lê Hồng	Quân	Nam	19/04/2006	21T4-ANM1	6,80	Trung bình			
49	21003318	Trần Đại Phước	Sang	Nam	22/05/2006	21T4-ANM1	7,33	Khá			
50	21003699	Nguyễn Phạm Thành	Trung	Nam	16/07/2006	21T4-ANM1	7,34	Khá			
51	21002665	Vũ Minh	Tuân	Nam	12/10/2006	21T4-ANM1	6,58	Trung bình			
52	21000477	Bùi Nguyễn Bảo	Bình	Nam	14/07/2006	21T4-CCK1	6,48	Trung bình			
53	21002379	Võ Hoàng	Bo	Nam	05/10/2006	21T4-CCK1	6,10	Trung bình			
54	21003125	Trần Lê Quang	Chiến	Nam	30/08/2006	21T4-CCK1	7,53	Khá			
55	21000340	Mai Trọng	Đại	Nam	25/01/2006	21T4-CCK1	7,13	Khá			
56	21001411	Bùi Đức Nhật	Hưng	Nam	18/02/2006	21T4-CCK1	6,12	Trung bình			
57	21002872	Trần Ngọc Gia	Huy	Nam	15/11/2006	21T4-CCK1	6,24	Trung bình			
58	21002335	Phan Thanh	Khải	Nam	14/10/2005	21T4-CCK1	7,84	Khá			
59	21002310	Lê Gia	Long	Nam	25/10/2006	21T4-CCK1	7,21	Khá			
60	21000419	Phạm Minh	Nghĩa	Nam	24/08/2006	21T4-CCK1	7,66	Khá			
61	21002880	Nguyễn Trương Tiến	Sang	Nam	13/03/2006	21T4-CCK1	8,22	Giỏi			
62	21004376	Võ Văn	Thân	Nam	15/04/2006	21T4-CCK1	6,35	Trung bình			
63	21003108	Phạm Văn	Thành	Nam	18/06/2006	21T4-CCK1	6,58	Trung bình			
64	21003277	Tăng Chí	Tiến	Nam	05/12/2006	21T4-CCK1	6,54	Trung bình			
65	21002384	Nguyễn Đức	Vinh	Nam	08/03/2006	21T4-CCK1	7,95	Khá			
66	21002879	Trần Đức Gia	An	Nam	26/04/2004	21T4-CĐT1	6,72	Trung bình			
67	21000252	Lưu Tuấn	Anh	Nam	02/09/2006	21T4-CĐT1	8,05	Giỏi			
68	21000068	Nguyễn Đức	Anh	Nam	17/07/2006	21T4-CĐT1	6,66	Trung bình			
69	21004294	Lê Văn	Cường	Nam	16/03/2006	21T4-CĐT1	6,21	Trung bình			
70	21002856	Lê Đình Tấn	Đạt	Nam	09/10/2006	21T4-CĐT1	6,13	Trung bình			
71	21003037	Trương Nhật	Duy	Nam	29/09/2006	21T4-CĐT1	6,05	Trung bình			
72	21003167	Phan Minh	Hiếu	Nam	13/09/2006	21T4-CĐT1	6,56	Trung bình			
73	21003376	Nguyễn Công	Hoàng	Nam	22/04/2006	21T4-CĐT1	7,27	Khá	X	TOEIC 300	
74	21002333	Cao Gia	Lệ	Nữ	12/03/2006	21T4-CĐT1	8,40	Giỏi	X	TOEIC 300	
75	21004639	Nguyễn Kim	Long	Nam	17/07/2000	21T4-CĐT1	8,50	Giỏi	X		
76	21000397	Trần Minh	Mẫn	Nam	10/07/2006	21T4-CĐT1	6,70	Trung bình			
77	21003636	Nguyễn Trung	Nhân	Nam	14/04/2005	21T4-CĐT1	7,10	Khá	X	TOEIC 300	
78	21002646	Hoàng Đức	Phong	Nam	12/12/2006	21T4-CĐT1	7,44	Khá			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
79	21003109	Trần Ngọc Hồng	Phúc	Nam	13/08/2006	21T4-CĐT1	6,48	Trung bình			
80	21000719	Tạ Đình	Quang	Nam	29/01/2006	21T4-CĐT1	6,57	Trung bình			
81	21002910	Lê Anh	Quý	Nam	21/12/2006	21T4-CĐT1	7,58	Khá			
82	21002973	Văn Thái	Thịnh	Nam	17/12/2006	21T4-CĐT1	7,31	Khá			
83	21000140	Nguyễn Bảo Minh	Trí	Nam	24/09/2006	21T4-CĐT1	6,22	Trung bình			
84	21002021	Khưu Thắng	Vinh	Nam	29/11/2006	21T4-CĐT1	8,31	Giỏi			
85	21000623	Nguyễn Đặng Tường	Khang	Nam	31/07/2006	21T4-CMT1	6,35	Trung bình			
86	21003883	Trần Anh	Khoa	Nam	18/04/2004	21T4-CMT1	6,08	Trung bình			
87	21002124	Đình Thái	Lương	Nam	27/03/2006	21T4-CMT1	7,49	Khá			
88	21004136	Nguyễn Trần Bình	Minh	Nam	24/06/2006	21T4-CMT1	6,68	Trung bình			
89	21002611	Trương Minh	Nhật	Nam	09/02/2006	21T4-CMT1	7,76	Khá			
90	21000583	Thái Minh	Quang	Nam	03/12/2006	21T4-CMT1	6,27	Trung bình			
91	21000191	Hoàng Đào Anh	Quốc	Nam	30/12/2006	21T4-CMT1	6,27	Trung bình			
92	21003228	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	Nam	03/08/2006	21T4-CMT1	6,11	Trung bình			
93	21003680	Nguyễn Minh	Triệu	Nam	15/02/2006	21T4-CMT1	7,33	Khá			
94	21002741	Nguyễn Bình	An	Nam	30/11/2006	21T4-CNMI	6,67	Trung bình	X	TOEIC 350	
95	21000308	Nguyễn Ngọc	Châu	Nữ	12/07/2006	21T4-CNMI	6,33	Trung bình			
96	21002768	Nguyễn Trương Ngọc	Diệp	Nữ	12/10/2006	21T4-CNMI	6,78	Trung bình		TOEIC 350	
97	21000178	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	28/12/2005	21T4-CNMI	7,43	Khá	X	TOEIC 350	
98	21000422	Nguyễn Thạch Ngọc	Hiếu	Nữ	15/09/2006	21T4-CNMI	8,94	Giỏi	X	TOEIC 350	
99	21002740	Nguyễn Ngọc Trà	My	Nữ	27/04/2006	21T4-CNMI	7,25	Khá		TOEIC 350	
100	21000398	Võ Huỳnh Mỹ	Ngọc	Nữ	15/05/2006	21T4-CNMI	8,00	Giỏi	X	TOEIC 350	
101	21001768	Nguyễn Nhựt	Quang	Nam	17/08/2006	21T4-CNMI	7,39	Khá		TOEIC 350	
102	21004000	Vũ Trần Minh	Thị	Nữ	12/11/2006	21T4-CNMI	6,95	Trung bình			
103	21000028	Ngô Quốc	Dũng	Nam	25/02/1998	21T4-CNÔ1	8,15	Giỏi			
104	21000213	Trần Quang Anh	Dũng	Nam	18/10/2006	21T4-CNÔ1	6,47	Trung bình			
105	21000156	Trần Phúc	Hậu	Nam	27/10/2006	21T4-CNÔ1	6,24	Trung bình			
106	21000201	Huỳnh Công	Hiếu	Nam	23/12/2000	21T4-CNÔ1	7,90	Khá			
107	21000089	Phạm Huỳnh Minh	Hiếu	Nam	17/07/2006	21T4-CNÔ1	8,15	Giỏi		TOEIC 350	
108	21000254	Trần Quang	Hưng	Nam	28/11/2006	21T4-CNÔ1	6,15	Trung bình			
109	21000192	Đỗ Quốc	Huy	Nam	29/11/2006	21T4-CNÔ1	6,20	Trung bình			
110	21000233	Huỳnh Tấn	Lộc	Nam	28/05/2006	21T4-CNÔ1	5,97	Trung bình			
111	21000241	Nguyễn Huỳnh Thanh	Lộc	Nam	05/06/2006	21T4-CNÔ1	6,25	Trung bình			
112	21000200	Phạm Vũ Hoàng	Long	Nam	23/06/2006	21T4-CNÔ1	6,17	Trung bình			
113	21000244	Võ Trí	Nhân	Nam	13/07/2006	21T4-CNÔ1	7,31	Khá			
114	21000038	Vũ Huỳnh Tiến	Phát	Nam	09/01/2003	21T4-CNÔ1	7,29	Khá			
115	21000047	Đặng Văn	Quang	Nam	09/12/2006	21T4-CNÔ1	6,79	Trung bình			
116	21000113	Hỷ Nhân	Tài	Nam	28/11/2005	21T4-CNÔ1	6,27	Trung bình			
117	21000079	Đặng Diệp	Thành	Nam	08/11/2005	21T4-CNÔ1	7,26	Khá			
118	21000188	Nguyễn Hoàng Việt	Tín	Nam	11/01/2005	21T4-CNÔ1	6,45	Trung bình			
119	21000138	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	20/05/2006	21T4-CNÔ1	6,43	Trung bình			
120	21000010	Lê Quốc	Tuấn	Nam	03/10/2000	21T4-CNÔ1	7,07	Khá			
121	21000293	Nguyễn Đức	An	Nam	22/08/2006	21T4-CNÔ2	5,69	Trung bình			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
122	21001887	Nguyễn Văn Hoàng	An	Nam	19/04/2006	21T4-CNÔ2	6,30	Trung bình		TOEIC 300	
123	21000492	Bùi Quang Gia	Bảo	Nam	24/12/2006	21T4-CNÔ2	6,68	Trung bình	X	TOEIC 300	
124	21002357	Trần Gia	Bảo	Nam	12/10/2006	21T4-CNÔ2	7,83	Khá			
125	21000506	Nguyễn Minh	Đạt	Nam	21/07/2006	21T4-CNÔ2	6,58	Trung bình		TOEIC 300	
126	21001951	Nguyễn Tăng	Đạt	Nam	03/12/2006	21T4-CNÔ2	6,93	Trung bình			
127	21002141	Dương Minh	Đức	Nam	14/11/2006	21T4-CNÔ2	7,12	Khá	X	TOEIC 300	
128	21000372	Nguyễn Minh	Đức	Nam	11/08/2006	21T4-CNÔ2	6,98	Trung bình			
129	21000279	Vũ Tiến	Dũng	Nam	08/11/2006	21T4-CNÔ2	6,47	Trung bình			
130	21002233	Vũ Minh	Hiếu	Nam	11/11/2006	21T4-CNÔ2	5,66	Trung bình			
131	21001716	Lê Nguyễn Trung	Kiên	Nam	31/07/1999	21T4-CNÔ2	7,04	Khá			
132	21000348	Nguyễn Vĩnh	Phát	Nam	15/12/2005	21T4-CNÔ2	6,28	Trung bình			
133	21000313	Trần Tiến	Phát	Nam	09/04/2006	21T4-CNÔ2	8,72	Giỏi	X	TOEIC 350	
134	21000378	Trương Ngọc	Quý	Nam	10/10/2006	21T4-CNÔ2	6,84	Trung bình		TOEIC 350	
135	20001578	Nguyễn Hữu	Thiện	Nam	25/01/2005	21T4-CNÔ2	6,65	Trung bình			
136	21000268	Nguyễn Xuân	Toàn	Nam	28/06/2006	21T4-CNÔ2	6,21	Trung bình			
137	20001530	Trần Thanh	Toàn	Nam	30/03/2005	21T4-CNÔ2	6,62	Trung bình			
138	21000454	Võ Ngọc	Trung	Nam	09/04/2006	21T4-CNÔ2	6,86	Trung bình		TOEIC 350	
139	21000953	Phạm Võ Tuấn	An	Nam	27/03/2001	21T4-CNÔ3	7,89	Khá		TOEIC 300	
140	21000544	Hoàng Thanh	Danh	Nam	18/09/2006	21T4-CNÔ3	6,23	Trung bình			
141	21000659	Võ Thành	Đạt	Nam	03/12/2005	21T4-CNÔ3	6,28	Trung bình	X	TOEIC 300	
142	21000728	Nguyễn Đăng	Hải	Nam	14/09/2006	21T4-CNÔ3	7,05	Khá		TOEIC 300	
143	21000546	Vũ Ngọc	Hải	Nam	03/10/2006	21T4-CNÔ3	6,71	Trung bình			
144	21001189	Nguyễn Hữu Hoàng	Huy	Nam	05/12/2005	21T4-CNÔ3	6,28	Trung bình			
145	21000634	Trần Vĩnh	Huy	Nam	13/02/2006	21T4-CNÔ3	6,50	Trung bình	X		
146	21000757	Lê Hoàng	Khải	Nam	12/12/2006	21T4-CNÔ3	6,02	Trung bình			
147	21002641	Phạm Trường Gia	Kiệt	Nam	26/12/2006	21T4-CNÔ3	6,31	Trung bình			
148	21002240	Nguyễn Hoàng Ánh	Kim	Nữ	30/12/2006	21T4-CNÔ3	6,18	Trung bình			
149	21002732	Vũ Hoàng Thiên	Lộc	Nam	09/09/2006	21T4-CNÔ3	7,16	Khá			
150	21002720	Hồ Giang	Nguyên	Nam	29/11/2006	21T4-CNÔ3	6,21	Trung bình			
151	21000656	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	23/04/2003	21T4-CNÔ3	6,47	Trung bình			
152	21000563	Dương Văn	Nhất	Nam	07/02/2006	21T4-CNÔ3	6,53	Trung bình	X		
153	21002899	Lê Vạn Trường	Phát	Nam	23/11/2006	21T4-CNÔ3	7,44	Khá			
154	21002025	Bùi Minh	Quân	Nam	15/02/2006	21T4-CNÔ3	6,27	Trung bình	X		
155	21002468	Nguyễn Duy	Quang	Nam	30/06/2006	21T4-CNÔ3	7,81	Khá			
156	21000556	Võ Minh	Sang	Nam	13/07/2005	21T4-CNÔ3	6,76	Trung bình			
157	21002629	Đỗ Phạm Anh	Tài	Nam	10/11/2005	21T4-CNÔ3	6,48	Trung bình			
158	21000801	Lê Nhật	Tân	Nam	26/10/2006	21T4-CNÔ3	7,17	Khá	X		
159	21002580	Trần Phúc	Thịnh	Nam	01/12/2006	21T4-CNÔ3	6,86	Trung bình			
160	21000594	Nguyễn Trần Minh	Tiến	Nam	25/08/2006	21T4-CNÔ3	6,63	Trung bình	X		
161	21000532	Sâm Song	Toàn	Nam	27/03/2006	21T4-CNÔ3	6,93	Trung bình			
162	21001793	Phạm Trần Hùng	Vỹ	Nam	12/04/2006	21T4-CNÔ3	6,47	Trung bình			
163	21002083	Hồ Trần Minh	Nghĩa	Nam	14/04/2006	21T4-CTM1	7,56	Khá	X		
164	21003373	Hà Phúc	Thanh	Nam	07/08/2006	21T4-CTM1	7,93	Khá			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
165	21002552	Đỗ Hoàng Triều	Vỹ	Nam	15/01/2006	21T4-CTM1	7,98	Khá		TOEIC 350	
166	21002229	Phạm Gia	Bảo	Nam	18/07/2006	21T4-ĐCN1	6,79	Trung bình			
167	21003332	Trần Đức Gia	Bảo	Nam	11/02/2006	21T4-ĐCN1	6,65	Trung bình			
168	21003347	Trần Quốc	Bảo	Nam	05/10/2006	21T4-ĐCN1	5,79	Trung bình			
169	21001987	Đinh Công	Chính	Nam	31/08/2006	21T4-ĐCN1	7,11	Khá	X		
170	21002498	Nguyễn Văn Hòa	Hiệp	Nam	01/12/2006	21T4-ĐCN1	7,01	Khá			
171	21000297	Lê Minh	Hoàng	Nam	21/09/2005	21T4-ĐCN1	6,15	Trung bình		TOEIC 350	
172	21003230	Võ Hoàng	Khang	Nam	22/10/2006	21T4-ĐCN1	6,92	Trung bình			
173	21002988	Ngô Minh	Nhật	Nam	29/11/2006	21T4-ĐCN1	7,48	Khá	X		
174	21000639	Nguyễn Văn	Phụng	Nam	12/03/2006	21T4-ĐCN1	6,99	Trung bình			
175	21003381	Châu Thanh	Phước	Nam	16/04/2006	21T4-ĐCN1	7,19	Khá			
176	21003771	Nguyễn Tiến	Toàn	Nam	30/04/2005	21T4-ĐCN1	7,35	Khá			
177	21000344	Nguyễn Phước Thiên	Ẩn	Nam	25/03/2003	21T4-ĐĐT1	8,79	Giỏi			
178	21002881	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	20/10/2006	21T4-ĐĐT1	6,27	Trung bình			
179	21002657	Đặng Quốc	Duy	Nam	15/07/2006	21T4-ĐĐT1	6,79	Trung bình			
180	21000498	Hứa Xuân	Duy	Nam	06/11/2006	21T4-ĐĐT1	6,39	Trung bình			
181	21002136	Đặng Ngọc	Hải	Nam	17/10/2006	21T4-ĐĐT1	7,66	Khá			
182	21002152	Trần Khánh	Hung	Nam	20/09/2006	21T4-ĐĐT1	6,91	Trung bình			
183	21002108	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	07/09/2006	21T4-ĐĐT1	6,54	Trung bình			
184	21002165	Nguyễn Thành	Huy	Nam	15/03/2006	21T4-ĐĐT1	7,16	Khá			
185	21002416	Nguyễn Đàm Song	Khuong	Nam	22/12/2005	21T4-ĐĐT1	8,49	Giỏi			
186	21002259	Trần Kim	Long	Nam	21/06/2006	21T4-ĐĐT1	7,17	Khá			
187	21003190	Nguyễn Trần Bảo	Luân	Nam	07/08/2006	21T4-ĐĐT1	7,71	Khá			
188	21002412	Nguyễn Minh	Quang	Nam	21/08/2006	21T4-ĐĐT1	6,73	Trung bình			
189	21002294	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	10/10/2006	21T4-ĐĐT1	6,87	Trung bình			
190	21000524	Phan Hữu	Tâm	Nam	07/02/2006	21T4-ĐĐT1	6,64	Trung bình			
191	21001710	Nguyễn Bửu	Thuyền	Nam	09/11/2006	21T4-ĐĐT1	6,98	Trung bình	X	TOEIC 300	
192	21003043	Trần Hoàng Thiên	Ẩn	Nữ	09/09/1999	21T4-ĐHĐ1	6,92	Trung bình		TOEIC 350	
193	21003661	Vũ Anh	Hùng	Nam	05/12/2006	21T4-ĐHĐ1	5,83	Trung bình			
194	21002435	Huỳnh Lưu Bích	Hữu	Nữ	07/11/2006	21T4-ĐHĐ1	6,66	Trung bình		TOEIC 350	
195	21003040	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	11/07/2006	21T4-ĐHĐ1	6,18	Trung bình			
196	21002563	Ngô Khang	Hy	Nam	26/11/2006	21T4-ĐHĐ1	5,90	Trung bình			
197	21002956	Lương Nguyễn Hoàng	Long	Nam	15/07/2006	21T4-ĐHĐ1	5,53	Trung bình			
198	21002907	Vũ Hoàng	Long	Nam	11/10/2006	21T4-ĐHĐ1	6,19	Trung bình		TOEIC 300	
199	21000416	Khổng Tuyết	Minh	Nữ	05/03/2001	21T4-ĐHĐ1	6,80	Trung bình			
200	21000266	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	02/06/2001	21T4-ĐHĐ1	7,67	Khá			
201	21002967	Lại Kim	Ngân	Nữ	24/08/2004	21T4-ĐHĐ1	7,16	Khá			
202	21002473	Võ Trọng	Nghĩa	Nam	09/10/2006	21T4-ĐHĐ1	7,25	Khá			
203	21003335	Hồ Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	15/08/2006	21T4-ĐHĐ1	7,12	Khá		TOEIC 350	
204	21003359	Tạ Vạn Kim	Phúc	Nữ	04/06/2005	21T4-ĐHĐ1	6,71	Trung bình		TOEIC 350	
205	21000478	Trần Tiến	Thắng	Nam	06/07/2005	21T4-ĐHĐ1	7,06	Khá			
206	21002252	Nguyễn Hoàng Minh	Tiến	Nam	02/02/2006	21T4-ĐHĐ1	7,07	Khá			
207	21002765	Bùi Đăng Minh	Triết	Nam	05/11/2006	21T4-ĐHĐ1	7,15	Khá			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
208	21003539	Lê Nguyễn Cát	Tường	Nữ	08/03/2006	21T4-ĐHĐ1	6,57	Trung bình		TOEIC 350	
209	21002819	Phạm Trần Gia	Uy	Nữ	27/05/2006	21T4-ĐHĐ1	8,27	Giỏi			
210	21003427	Lê Nghiêm Tuấn	Anh	Nam	28/02/2006	21T4-KLB1	6,59	Trung bình			
211	21002654	Phạm Băng	Băng	Nữ	27/11/2006	21T4-KLB1	7,52	Khá			
212	21004245	Nguyễn Minh	Châu	Nữ	10/03/2006	21T4-KLB1	6,74	Trung bình			
213	21003025	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	Nữ	11/01/2006	21T4-KLB1	7,21	Khá			
214	21003669	Lương Gia	Huy	Nam	23/02/2005	21T4-KLB1	7,14	Khá			
215	21001439	Từ Huệ	Kỳ	Nữ	21/07/2006	21T4-KLB1	7,89	Khá			
216	21000281	Trần Ngọc Hương	Lan	Nữ	01/07/2006	21T4-KLB1	6,87	Trung bình	X	TOEIC 300	
217	21001983	Lâm Ái	My	Nữ	12/09/2006	21T4-KLB1	8,14	Giỏi			
218	21003098	Phạm Nhật	Nam	Nam	17/12/2005	21T4-KLB1	6,88	Trung bình			
219	21004331	Trần Hồng	Ngân	Nữ	22/08/2006	21T4-KLB1	7,01	Khá			
220	21001948	Đinh Lê Thiên	Nghi	Nữ	24/07/2006	21T4-KLB1	8,20	Giỏi		TOEIC 350	
221	21000523	Tăng Quý	Nghi	Nữ	12/04/2006	21T4-KLB1	7,24	Khá		TOEIC 300	
222	21002572	Nguyễn Thanh	Ngọc	Nữ	13/06/2006	21T4-KLB1	8,29	Giỏi			
223	21002353	Tô Minh	Nhật	Nam	23/10/2006	21T4-KLB1	8,58	Giỏi			
224	21002388	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	03/09/2006	21T4-KLB1	7,48	Khá	X	TOEIC 350	
225	21003082	Nghiêm Hoàng Kim	Phụng	Nữ	25/08/2006	21T4-KLB1	8,61	Giỏi	X		
226	21003155	Trương Đình Anh	Thư	Nữ	11/08/2006	21T4-KLB1	7,08	Khá		TOEIC 300	
227	21000168	Hoàng Thị Phương	Trang	Nữ	23/01/2006	21T4-KLB1	7,12	Khá			
228	21003030	Trần Thanh	Trúc	Nữ	29/06/2006	21T4-KLB1	6,53	Trung bình		TOEIC 300	
229	21000749	Lê Anh	Tú	Nữ	10/06/2004	21T4-KLB1	7,69	Khá			
230	21001842	Lê Ánh	Tuyết	Nữ	23/10/2006	21T4-KLB1	6,83	Trung bình	X	TOEIC 300	
231	21000458	Trần Thảo	Uyên	Nữ	25/08/2006	21T4-KLB1	7,09	Khá			
232	21000334	Kha Trương Hải	Yến	Nữ	28/05/2006	21T4-KLB1	7,08	Khá	X		
233	21002283	Trương Thành	Huy	Nam	03/12/2006	21T4-KML1	7,04	Khá			
234	21003448	Huỳnh Thanh	Ngọc	Nam	19/08/2006	21T4-KML1	7,19	Khá			
235	21003797	Mai Thanh	Phong	Nam	12/11/2006	21T4-KML1	7,14	Khá			
236	21000413	Thái Văn	Đại	Nam	15/06/2006	21T4-KTD1	8,33	Giỏi			
237	21000645	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	Nữ	30/07/2006	21T4-KTD1	8,40	Giỏi			
238	21002503	Trần Thanh	Hương	Nữ	17/08/2006	21T4-KTD1	7,38	Khá			
239	21002027	Nguyễn Minh	Khang	Nam	20/12/2006	21T4-KTD1	8,11	Giỏi	X	TOEIC 350	
240	20001583	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	13/12/2005	21T4-KTD1	7,14	Khá			
241	21002455	Đỗ Thị Bích	Loan	Nữ	22/01/2006	21T4-KTD1	7,19	Khá			
242	21003051	Phùng Kim	Loan	Nữ	21/09/2006	21T4-KTD1	8,73	Giỏi	X		
243	21002100	Nguyễn Đặng Thiên	Lộc	Nam	24/06/2006	21T4-KTD1	7,29	Khá	X	TOEIC 350	
244	21000287	Lê Võ Ngọc	Nga	Nữ	03/06/2006	21T4-KTD1	7,63	Khá			
245	21003439	Phạm Ngọc Kim	Ngân	Nữ	28/10/2006	21T4-KTD1	7,19	Khá			
246	21004613	Đặng Thị Yến	Ngọc	Nữ	21/10/2006	21T4-KTD1	7,47	Khá	X		
247	21002699	Thiều Quỳnh	Như	Nữ	11/10/2004	21T4-KTD1	8,88	Giỏi	X		
248	21003104	Trần Trọng	Trí	Nam	05/04/2006	21T4-KTD1	5,97	Trung bình			
249	21002974	Trương Ngọc Yến	Trình	Nữ	11/09/2006	21T4-KTD1	7,30	Khá			
250	21002871	Vũ Như Ngọc	Tuyền	Nữ	11/11/2006	21T4-KTD1	8,18	Giỏi	X		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
251	21000611	Nguyễn Hoàng	Khánh Vi	Nữ	05/06/2005	21T4-KTD1	7,30	Khá	X	TOEIC 300	
252	21002534	Trần Ngọc	Duy	Nam	01/08/2006	21T4-KXD1	7,14	Khá		TOEIC 350	
253	21002142	Nguyễn Duy	Khang	Nam	13/10/2006	21T4-KXD1	7,66	Khá	X	TOEIC 300	
254	21002221	Lê Minh	Trí	Nam	05/11/2006	21T4-KXD1	5,73	Trung bình			
255	21002680	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	13/10/2006	21T4-LGT1	6,18	Trung bình			
256	21002662	Phạm Hoàng	Ánh	Nữ	30/11/2006	21T4-LGT1	8,75	Giỏi			
257	21002549	Hồ Gia	Bảo	Nam	08/12/2006	21T4-LGT1	6,74	Trung bình			
258	21002347	Trần Ngọc Linh	Châu	Nữ	23/07/2006	21T4-LGT1	6,55	Trung bình			
259	21002428	Huỳnh Gia	Khang	Nam	14/10/2006	21T4-LGT1	6,99	Trung bình			
260	21002835	Phạm Đình	Khoa	Nam	24/07/2005	21T4-LGT1	5,92	Trung bình	X		
261	21003032	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	09/08/2005	21T4-LGT1	6,35	Trung bình		TOEIC 300	
262	21000172	Nguyễn Trường	Lâm	Nam	19/05/2006	21T4-LGT1	6,46	Trung bình			
263	21002749	Trần Vinh	Lợi	Nam	06/09/2006	21T4-LGT1	5,98	Trung bình			
264	21002201	Trần Nguyễn Xuân	Mai	Nữ	26/10/2006	21T4-LGT1	8,18	Giỏi			
265	21002079	Đinh Công Quốc	Quân	Nam	30/11/2006	21T4-LGT1	6,55	Trung bình	X		
266	21003289	Lê Đặng Hoài	Thương	Nữ	07/09/2006	21T4-LGT1	7,37	Khá	X		
267	21001767	Lâm Nguyễn Ái	Thy	Nữ	22/12/2005	21T4-LGT1	7,01	Khá			
268	21002821	Phạm Trần Gia	Tín	Nam	27/05/2006	21T4-LGT1	9,16	Xuất sắc	X		
269	20000721	Nguyễn Phạm Ngọc	Trình	Nữ	21/07/2001	21T4-LGT1	6,83	Trung bình			
270	21000187	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	Nữ	23/08/2006	21T4-LGT1	6,09	Trung bình			
271	21002424	Phan Phương Mỹ	Uyên	Nữ	26/07/2006	21T4-LGT1	7,28	Khá	X		
272	21000468	Trần Thiên	Bình	Nam	22/12/2006	21T4-LTM1	6,27	Trung bình			
273	21000688	Lương Văn	Châu	Nam	31/05/2006	21T4-LTM1	7,59	Khá			
274	21000579	Trần Nhân	Điền	Nam	20/08/2006	21T4-LTM1	6,61	Trung bình		TOEIC 300	
275	21003830	Trịnh Hoàng Lê	Duy	Nam	19/04/2006	21T4-LTM1	6,74	Trung bình			
276	21000098	Võ Thanh	Hào	Nam	03/02/2005	21T4-LTM1	6,28	Trung bình			
277	21000024	Nguyễn Phúc	Hậu	Nam	06/01/2005	21T4-LTM1	7,54	Khá			
278	21002072	Lê Thanh	Hiếu	Nam	17/12/2006	21T4-LTM1	8,52	Khá			Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn Giáo dục chính trị)
279	21000591	Phạm Huy	Hoàng	Nam	21/10/2005	21T4-LTM1	7,25	Khá			
280	21001509	Nguyễn Kim	Hồng	Nữ	28/03/2006	21T4-LTM1	7,26	Khá			
281	21003156	Lê Minh	Hùng	Nam	02/02/2006	21T4-LTM1	6,12	Trung bình			
282	21000510	Vũ Lê Duy	Khang	Nam	20/09/2006	21T4-LTM1	6,82	Trung bình			
283	21002119	Cao Lê Đăng	Khoa	Nam	28/11/2006	21T4-LTM1	7,18	Khá			
284	21000363	Lê Gia	Khoa	Nam	29/08/2006	21T4-LTM1	6,70	Trung bình			
285	21000522	Trần Văn	Lễ	Nam	19/09/2006	21T4-LTM1	7,17	Khá			
286	21000095	Nguyễn Dương	Minh	Nam	20/10/2006	21T4-LTM1	6,97	Trung bình		TOEIC 350	
287	21000388	Vũ Đức Hải	Nam	Nam	07/10/2006	21T4-LTM1	7,23	Khá			
288	21000050	Lâm Chí	Nghĩa	Nam	17/08/2006	21T4-LTM1	9,06	Giỏi		TOEIC 300	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn Giáo dục chính trị)
289	21001285	Nguyễn Đông	Nguyên	Nam	05/11/2006	21T4-LTM1	6,29	Trung bình		TOEIC 300	
290	21000529	Đỗ Minh	Nhật	Nam	08/12/2006	21T4-LTM1	6,15	Trung bình			
291	21000800	Đinh Trọng	Phúc	Nam	23/02/2005	21T4-LTM1	7,26	Khá			
292	21004095	Lê Nhật Minh	Phúc	Nam	23/04/2006	21T4-LTM1	7,15	Khá			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
293	21000039	Phạm Quang	Phúc	Nam	27/11/2006	21T4-LTM1	7,30	Khá			
294	21000650	Lê Văn	Tài	Nam	08/03/2006	21T4-LTM1	7,29	Khá		TOEIC 300	
295	21002026	Mai Phước	Thịnh	Nam	15/04/2006	21T4-LTM1	6,81	Trung bình		TOEIC 300	
296	21002051	Lê Minh	Thuận	Nam	13/04/2006	21T4-LTM1	6,71	Trung bình			
297	21001954	Đào Nguyễn Mạnh	Tiến	Nam	27/10/2006	21T4-LTM1	5,75	Trung bình			
298	21004696	La Quảng	Tuấn	Nam	23/02/2006	21T4-LTM1	6,38	Trung bình			
299	21003434	Nguyễn Châu	Tuấn	Nam	17/08/2006	21T4-LTM1	6,22	Trung bình			
300	21000062	Tạ Duy	Tuấn	Nam	30/08/2006	21T4-LTM1	6,00	Trung bình		TOEIC 300	
301	21000380	Nguyễn Văn	Việt	Nam	13/09/2006	21T4-LTM1	8,80	Giỏi		TOEIC 300	
302	21003141	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	15/09/2006	21T4-LTM1	6,82	Trung bình		TOEIC 300	
303	21003115	Lim Ming Shun	Alex	Nam	13/12/2006	21T4-LTM2	7,02	Khá			
304	21002220	Lê Trần Bảo	Ân	Nam	24/08/2005	21T4-LTM2	6,72	Trung bình			
305	21002306	Nguyễn Trọng	Ân	Nam	22/10/2006	21T4-LTM2	6,94	Trung bình		TOEIC 300	
306	21002161	Đỗ Gia	Bảo	Nam	11/05/2006	21T4-LTM2	6,96	Trung bình			
307	21002178	Hồ Văn	Cường	Nam	11/11/2006	21T4-LTM2	6,84	Trung bình		TOEIC 350	
308	21002156	Hồ Vĩ Quốc	Cường	Nam	15/05/2006	21T4-LTM2	8,78	Giỏi		TOEIC 350	
309	21002633	Nguyễn Phúc	Điện	Nam	21/12/2006	21T4-LTM2	7,21	Khá			
310	21002623	Phạm Hồng	Đức	Nam	28/08/2006	21T4-LTM2	7,88	Khá		TOEIC 350	
311	21003015	Hoàng Công	Dũng	Nam	01/03/2006	21T4-LTM2	8,56	Giỏi		TOEIC 350	
312	21003100	Nguyễn Phan Ngọc	Hân	Nam	24/06/2005	21T4-LTM2	8,48	Giỏi		TOEIC 350	
313	21002933	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	26/08/2006	21T4-LTM2	6,72	Trung bình			
314	21002400	Tạ Minh	Huy	Nam	07/05/2006	21T4-LTM2	5,98	Trung bình			
315	21002360	Nguyễn Đoàn Nguyên	Khang	Nam	14/12/2006	21T4-LTM2	6,13	Trung bình			
316	21002674	Nguyễn Duy	Khang	Nam	21/11/2006	21T4-LTM2	7,02	Khá			
317	21002228	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	20/08/2006	21T4-LTM2	7,21	Khá			
318	21002445	Dương Tuấn	Kiệt	Nam	27/01/2006	21T4-LTM2	6,71	Trung bình			
319	21002175	Phạm Hoàng	Long	Nam	07/03/2005	21T4-LTM2	6,44	Trung bình		TOEIC 300	
320	21000606	Đặng Bình	Minh	Nam	17/12/2006	21T4-LTM2	7,00	Khá		TOEIC 300	
321	21002564	Vũ Minh	Nhật	Nam	05/01/2006	21T4-LTM2	5,93	Trung bình			
322	21002263	Lưu Đặng Minh	Quân	Nam	05/11/2006	21T4-LTM2	6,28	Trung bình			
323	21002337	Trần Anh	Thái	Nam	31/05/2006	21T4-LTM2	6,75	Trung bình		TOEIC 350	
324	21002875	Nguyễn Hoàng	Thịnh	Nam	18/11/2006	21T4-LTM2	6,91	Trung bình		TOEIC 350	
325	21003003	Nguyễn Trương	Trọng	Nam	30/07/2006	21T4-LTM2	6,76	Trung bình			
326	21002538	Hồ Lê Anh	Tuấn	Nam	06/12/2006	21T4-LTM2	7,31	Khá			
327	21002648	Lê Văn	Vương	Nam	29/06/2006	21T4-LTM2	7,61	Khá		TOEIC 350	
328	21000382	Trương Phúc Thuận	An	Nữ	08/11/2006	21T4-NHQ1	8,26	Giỏi			
329	21001115	Tân Thị Thúy	Hằng	Nữ	06/06/2006	21T4-NHQ1	7,34	Khá		TOEIC 300	
330	21001857	Phan Hanh	Hy	Nữ	24/07/2004	21T4-NHQ1	8,21	Giỏi			
331	21002048	Văn Công Gia	Khang	Nam	03/07/2006	21T4-NHQ1	9,00	Xuất sắc		TOEIC 350	
332	21003658	Tân Mỹ	Linh	Nữ	07/03/2006	21T4-NHQ1	6,27	Trung bình			
333	21002558	Trần Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	19/11/2006	21T4-NHQ1	8,77	Giỏi	X		
334	21000683	Trần Minh	Thắng	Nam	10/01/2006	21T4-NHQ1	8,58	Giỏi		TOEIC 300	
335	21003287	Võ Quốc	Thịnh	Nam	31/08/2006	21T4-NHQ1	7,10	Khá			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
336	21000346	Lê Nguyễn Anh	Trúc	Nữ	06/04/2006	21T4-NHQ1	6,65	Trung bình			
337	21001531	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	Nữ	18/03/2006	21T4-NHQ1	8,40	Khá			Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn Đọc hiểu Tiếng Hán)
338	21000300	Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	27/11/2006	21T4-NHQ1	8,32	Giỏi			
339	21003918	Bùi Thị Như	Ý	Nữ	29/11/2006	21T4-NHQ1	7,00	Khá			
340	21002041	Cáp Gia	An	Nam	26/09/2006	21T4-NNA1	8,15	Giỏi	X	X	
341	21001281	Dư Phạm Minh	An	Nam	06/11/2006	21T4-NNA1	6,04	Trung bình	X	X	
342	21000206	Bùi Minh	Anh	Nữ	01/05/2002	21T4-NNA1	7,99	Khá	X	X	
343	21000616	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	Nữ	05/12/2006	21T4-NNA1	7,06	Khá		X	
344	21002755	Hoàng Kim Minh	Châu	Nữ	08/07/2006	21T4-NNA1	7,66	Khá	X	X	
345	21002396	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	Nữ	04/11/2005	21T4-NNA1	8,33	Giỏi		X	
346	21000296	Võ Tiến	Đạt	Nam	17/07/2004	21T4-NNA1	7,52	Khá		X	
347	21000043	Phan Công Gia	Hưng	Nam	25/01/2006	21T4-NNA1	6,76	Trung bình	X		
348	21002634	Bùi Phạm Hồng	Ngọc	Nữ	27/03/2003	21T4-NNA1	7,93	Khá	X	X	
349	21002505	Trần Lê Hồng	Ngọc	Nữ	06/10/2006	21T4-NNA1	7,87	Khá	X	X	
350	21000360	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	Nữ	11/01/2006	21T4-NNA1	7,03	Khá	X		
351	21002237	Trần Lê Minh	Nhật	Nam	14/09/2006	21T4-NNA1	8,87	Giỏi	X	X	
352	21002126	Lê Huỳnh Thiên	Thanh	Nữ	29/04/2006	21T4-NNA1	7,49	Khá	X	X	
353	21000696	Nguyễn Trịnh Kim	Thu	Nữ	21/08/2006	21T4-NNA1	9,30	Xuất sắc	X	X	
354	21002265	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	Nữ	31/01/2006	21T4-NNA1	6,97	Trung bình			
355	21002637	Võ Thị Minh	Thư	Nữ	24/07/2005	21T4-NNA1	6,75	Trung bình			
356	21002087	Đặng Tú	Vân	Nữ	03/11/2006	21T4-NNA1	7,91	Khá		X	
357	21000078	Trần Đăng Thiên	Vân	Nam	06/11/2006	21T4-NNA1	8,12	Giỏi	X	X	
358	21000356	Nguyễn Xuân	Yến	Nữ	20/09/2002	21T4-NNA1	9,16	Xuất sắc	X	X	
359	21003110	Trần Hà Vân	Anh	Nữ	31/05/2006	21T4-NNA2	7,17	Khá			
360	21003701	Trần Vũ Quang	Bình	Nam	03/04/2005	21T4-NNA2	7,75	Khá			
361	21004654	Nguyễn Đông	Nghi	Nữ	13/09/2006	21T4-NNA2	8,38	Khá	X		Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn Nói)
362	21003681	Phạm Thiên	Tài	Nam	07/12/2006	21T4-NNA2	6,48	Trung bình			
363	21002084	Đặng Trâm	Anh	Nữ	02/10/2006	21T4-NTN1	7,68	Khá			
364	21002635	Huỳnh Ngọc	Hằng	Nữ	10/05/2006	21T4-NTN1	7,27	Khá		TOEIC 300	
365	21002554	Dương Phạm Minh	Thư	Nữ	22/04/2006	21T4-NTN1	7,44	Khá			
366	21000605	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	13/09/2006	21T4-NTN1	7,41	Khá			
367	21002978	Trần Thế	Anh	Nam	18/09/2006	21T4-QDL1	6,66	Trung bình			
368	21002686	Nguyễn Vũ Kim	Lộc	Nữ	03/12/2006	21T4-QDL1	6,93	Trung bình			
369	21000128	Đặng Tổ	Nga	Nữ	29/09/2006	21T4-QDL1	6,96	Trung bình	X	TOEIC 300	
370	21000061	Trần Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	05/12/2005	21T4-QDL1	6,31	Trung bình			
371	21004388	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	14/06/2006	21T4-QDL1	7,83	Khá			
372	21000023	Tô Minh	Triết	Nam	29/07/2006	21T4-QDL1	8,37	Giỏi	X	TOEIC 300	
373	21002652	Nguyễn Mai Thiên	Vân	Nữ	05/10/2006	21T4-QDL1	8,13	Giỏi	X	TOEIC 300	
374	21000329	Nguyễn Cao Minh	Hiền	Nữ	02/08/2006	21T4-QKS1	7,33	Khá	X	TOEIC 350	
375	21004198	Nguyễn Sỹ	Khang	Nam	24/12/2004	21T4-QKS1	7,96	Khá			
376	21004149	La Nguyễn Anh	Khoa	Nam	20/10/2006	21T4-QKS1	7,70	Khá			
377	21004226	Vũ Kim	Ngân	Nữ	11/06/2006	21T4-QKS1	6,78	Trung bình	X	TOEIC 300	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
378	21002846	Lê Quốc	Nghĩa	Nam	27/11/2005	21T4-QKS1	6,23	Trung bình			
379	21003602	Nguyễn Khải	Nguyễn	Nam	12/03/2006	21T4-QKS1	7,41	Khá			
380	21001992	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	19/10/2006	21T4-QKS1	8,45	Giỏi	X		
381	21004701	Ngô Hoàng	Phúc	Nam	20/02/2006	21T4-QKS1	7,47	Khá	X	TOEIC 300	
382	21001790	Nguyễn Ngọc	Quyên	Nữ	25/02/2006	21T4-QKS1	7,09	Khá	X		
383	21000123	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	20/10/2006	21T4-QLH1	7,90	Khá	X	TOEIC 300	
384	21002404	Nguyễn Khôi	Nguyễn	Nam	05/10/2006	21T4-QLH1	6,63	Trung bình			
385	21000446	Kha Tú	Như	Nữ	28/05/2006	21T4-QLH1	7,31	Khá			
386	21002984	Phạm Thị Ngọc	Ánh	Nữ	06/11/2006	21T4-QNH1	6,39	Trung bình	X	TOEIC 300	
387	21000402	Trần Khiết	Bá	Nữ	10/11/2006	21T4-QNH1	8,42	Giỏi	X		
388	21000153	Nguyễn Phúc	Hậu	Nam	07/08/2006	21T4-QNH1	8,03	Giỏi	X		
389	21000174	Nguyễn Hồ Phi	Long	Nam	25/06/2006	21T4-QNH1	6,27	Trung bình			
390	21002831	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	18/05/2006	21T4-QNH1	7,86	Khá	X		
391	21002838	Đoàn Ngọc	Nhi	Nữ	06/12/2006	21T4-QNH1	6,75	Trung bình	X		
392	21000253	Nguyễn Hoàng Ngọc	Anh	Nữ	17/08/2006	21T4-QTD1	7,76	Khá			
393	21002573	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	09/11/2006	21T4-QTD1	6,94	Trung bình	X	TOEIC 300	
394	21003224	Nguyễn Phạm Khánh	Đoan	Nữ	07/08/2006	21T4-QTD1	6,79	Trung bình	X		
395	21002707	Chou Hữu	Gia	Nam	27/03/2006	21T4-QTD1	6,11	Trung bình			
396	21004328	Nguyễn Mỹ Ngọc	Hằng	Nữ	07/11/2006	21T4-QTD1	6,23	Trung bình	X		
397	21000684	Phan Lê Thanh	Hưng	Nam	08/10/2005	21T4-QTD1	8,23	Khá			Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn Hành vi tổ chức)
398	21003327	Đinh Gia	Huy	Nam	14/06/2006	21T4-QTD1	7,07	Khá	X		
399	21000197	Lê Huỳnh	Khánh	Nam	10/10/2006	21T4-QTD1	5,87	Trung bình			
400	21003814	Vũ Minh	Khôi	Nam	09/12/2004	21T4-QTD1	8,50	Giỏi	X	TOEIC 300	
401	21000292	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	26/06/2001	21T4-QTD1	6,74	Trung bình			
402	21002318	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	Nữ	29/05/2005	21T4-QTD1	6,39	Trung bình	X	TOEIC 300	
403	21002128	Phạm Quỳnh	Như	Nữ	27/02/2006	21T4-QTD1	7,25	Khá			
404	21000425	Bùi Văn Long	Nhật	Nam	26/07/2006	21T4-QTD1	7,96	Khá			
405	21004036	Nguyễn Ngọc Hà	Phượng	Nữ	30/07/2006	21T4-QTD1	6,39	Trung bình			
406	21002929	Nguyễn Bích	Phượng	Nữ	22/01/2006	21T4-QTD1	8,29	Giỏi	X	TOEIC 300	
407	21003694	Đặng Hải	Quân	Nam	02/08/2005	21T4-QTD1	6,62	Trung bình			
408	21002452	Nguyễn Tổng Minh	Quang	Nam	24/06/2006	21T4-QTD1	6,44	Trung bình			
409	21002327	Đặng Ngọc Quang	Sáng	Nam	24/07/2006	21T4-QTD1	6,29	Trung bình	X		
410	21002855	Tổng Duy	Tân	Nam	27/12/2005	21T4-QTD1	6,24	Trung bình			
411	21002780	Trần Yến	Thanh	Nữ	26/09/2006	21T4-QTD1	8,06	Giỏi	X	TOEIC 300	
412	21002574	Võ Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	23/07/2006	21T4-QTD1	6,83	Trung bình		TOEIC 300	
413	21003063	Đoàn Thị Thuý	Tiên	Nữ	15/03/2006	21T4-QTD1	6,76	Trung bình		TOEIC 300	
414	21003114	Ngô Bùi Minh	Trang	Nữ	09/10/2003	21T4-QTD1	7,90	Khá	X		
415	21003292	Nguyễn Hoàng Phương	Trinh	Nữ	27/10/2006	21T4-QTD1	6,50	Trung bình		TOEIC 300	
416	21002167	Chung Thái Tường	Vy	Nữ	02/05/2005	21T4-QTD1	6,74	Trung bình	X	TOEIC 300	
417	21000604	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	Nữ	15/11/2006	21T4-QTD1	6,73	Trung bình	X		
418	21000195	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	04/10/2006	21T4-QTD1	6,27	Trung bình			
419	21001067	Hình Thị Như	Ý	Nữ	19/04/2006	21T4-QTD1	8,58	Giỏi	X		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
420	21000408	Phạm Tuấn	Anh	Nam	01/01/2006	21T4-QTM1	9,23	Xuất sắc		TOEIC 350	
421	21002610	Huỳnh Quốc	Bảo	Nam	11/07/2006	21T4-QTM1	6,71	Trung bình		TOEIC 300	
422	21004356	Lương Quốc	Bảo	Nam	29/12/2006	21T4-QTM1	6,68	Trung bình			
423	21003582	Nguyễn Lê Gia	Bảo	Nam	27/08/2006	21T4-QTM1	7,00	Khá			
424	21000600	Phạm Văn Thanh	Bảo	Nam	21/09/2005	21T4-QTM1	6,47	Trung bình			
425	21003712	Đinh Công	Đức	Nam	06/12/2006	21T4-QTM1	6,50	Trung bình			
426	21004464	Trần Nguyễn Trà	Giang	Nữ	07/02/2006	21T4-QTM1	9,09	Xuất sắc			
427	21000484	Phạm Trần	Hạo	Nam	30/05/2006	21T4-QTM1	6,79	Trung bình			
428	21001007	Phan Văn	Huy	Nam	04/06/2004	21T4-QTM1	7,18	Khá			
429	21000462	Võ Đặng Hoàng	Huy	Nam	30/04/2006	21T4-QTM1	7,17	Khá			
430	21000370	Nguyễn Hoàng	Khải	Nam	16/10/2006	21T4-QTM1	8,76	Giỏi			
431	21002149	Bùi Đăng	Khoa	Nam	10/05/2006	21T4-QTM1	6,59	Trung bình			
432	21002248	Phạm Ngọc Bảo	Long	Nam	07/11/2006	21T4-QTM1	6,67	Trung bình			
433	21000493	Nguyễn Phúc	Minh	Nam	06/09/2005	21T4-QTM1	6,07	Trung bình			
434	21003587	Bùi Thành	Phú	Nam	06/08/2006	21T4-QTM1	8,28	Giỏi		TOEIC 350	
435	21003488	Hà Anh Việt	Phú	Nam	12/09/2006	21T4-QTM1	6,47	Trung bình		TOEIC 300	
436	21002746	Phan Quang	Phú	Nam	05/07/2006	21T4-QTM1	7,39	Khá		TOEIC 350	
437	21003390	Nguyễn Minh	Quân	Nam	14/09/2006	21T4-QTM1	7,23	Khá			
438	21002065	Khuất Gia	Thịnh	Nam	02/05/2006	21T4-QTM1	6,61	Trung bình			
439	21003058	Phạm Hữu	Trí	Nam	03/04/2006	21T4-QTM1	6,91	Trung bình			
440	21002670	Nguyễn Thảo	Vân	Nữ	19/11/2006	21T4-QTM1	8,07	Giỏi		TOEIC 350	
441	21002239	Trương Quang	Vinh	Nam	05/11/2006	21T4-QTM1	7,13	Khá			
442	21002308	Trần Phương	Anh	Nữ	27/11/2006	21T4-TCD1	8,46	Giỏi		TOEIC 350	
443	21000258	Châu Yến	Linh	Nữ	15/08/2006	21T4-TCD1	8,53	Giỏi		TOEIC 300	
444	21000638	Lê Thị Thủy	Linh	Nữ	06/10/2006	21T4-TCD1	7,38	Khá			
445	21002380	Trần Yến	Linh	Nữ	15/05/2006	21T4-TCD1	6,94	Trung bình	X	TOEIC 300	
446	21000248	Trần Tuyết	Nga	Nữ	09/02/2006	21T4-TCD1	7,49	Khá	X		
447	21001747	Đỗ Lê Đông	Nhi	Nữ	01/01/2005	21T4-TCD1	6,57	Trung bình			
448	21003136	Đỗ Huỳnh Như	Ý	Nữ	17/10/2006	21T4-TCD1	7,63	Khá	X	TOEIC 300	
449	21002151	Lê Nam	Anh	Nam	22/04/2006	21T4-TĐH1	6,05	Trung bình	X	TOEIC 400	
450	21002486	Trần Hoài	Bảo	Nam	19/04/2006	21T4-TĐH1	7,33	Khá	X		
451	21000060	Nguyễn Tuấn	Khanh	Nam	28/06/2006	21T4-TĐH1	6,53	Trung bình		TOEIC 300	
452	21002829	Võ Phạm Hoàng	Lâm	Nam	03/04/2006	21T4-TĐH1	7,52	Khá		TOEIC 350	
453	21000076	Đặng Dương Kim	Ngân	Nữ	05/07/2006	21T4-TĐH1	7,45	Khá			
454	21000071	Ngô Minh	Quang	Nam	19/12/2006	21T4-TĐH1	5,75	Trung bình	X	TOEIC 350	
455	21001039	Nguyễn Hoàng	Thành	Nam	24/04/2005	21T4-TĐH1	7,00	Khá			
456	21002968	Lý Lưu	Vĩ	Nam	06/11/2006	21T4-TĐH1	6,14	Trung bình	X		
457	21001937	Lương Chí	Bảo	Nam	20/04/2006	21T4-THU1	7,50	Khá		TOEIC 300	
458	21002330	Lê Minh	Đức	Nam	19/08/2006	21T4-THU1	8,06	Giỏi		TOEIC 300	
459	21003237	Quách Minh	Duy	Nam	30/06/2006	21T4-THU1	6,74	Trung bình		TOEIC 300	
460	21003175	Lê Trần Ngọc	Hưng	Nam	09/11/2006	21T4-THU1	5,58	Trung bình			
461	21000644	Trần Gia	Huy	Nam	14/07/2005	21T4-THU1	7,02	Khá			
462	21000218	Trần Tuấn	Kiệt	Nam	01/10/2005	21T4-THU1	6,33	Trung bình		TOEIC 350	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
463	21000139	Nguyễn Hoàng	Lâm	Nam	12/11/2006	21T4-THU1	8,07	Giỏi		TOEIC 300	
464	21002356	Nguyễn Đức Thu	Minh	Nữ	17/09/2005	21T4-THU1	6,33	Trung bình			
465	21000151	Trương Công	Minh	Nam	02/06/2006	21T4-THU1	7,68	Khá		TOEIC 300	
466	21002433	Phạm Thanh	Sang	Nam	06/09/2006	21T4-THU1	8,13	Giỏi		TOEIC 300	
467	21003234	Lưu Vũ	Thiên	Nam	12/10/2006	21T4-THU1	6,41	Trung bình			
468	21000155	Từ Minh	Thông	Nam	13/06/2006	21T4-THU1	5,93	Trung bình		TOEIC 350	
469	21002560	Huỳnh Anh	Tiến	Nam	20/03/2006	21T4-THU1	7,55	Khá			
470	21001989	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	Nữ	17/08/2006	21T4-THU1	6,48	Trung bình			
471	21002286	Lại Hoàng Bảo	Trân	Nữ	30/01/2006	21T4-THU1	7,18	Khá		TOEIC 300	
472	21003131	Nguyễn Mai	Trọng	Nam	22/10/2006	21T4-THU1	5,97	Trung bình			
473	21002001	Trần Quốc	Tú	Nam	26/06/2006	21T4-THU1	6,68	Trung bình			
474	21001869	Nguyễn Trương Yến	Vy	Nữ	22/05/2006	21T4-THU1	6,55	Trung bình		TOEIC 300	
475	21000480	Hồ Quế	Anh	Nữ	27/10/2002	21T4-TKĐ1	7,66	Khá			
476	21004624	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	16/08/2005	21T4-TKĐ1	7,58	Khá			
477	21000021	Trần Tuấn	Anh	Nam	06/12/2006	21T4-TKĐ1	7,86	Khá		TOEIC 350	
478	21000109	Nguyễn Bảo Hoàng	Châu	Nữ	18/05/2006	21T4-TKĐ1	6,90	Trung bình		TOEIC 350	
479	21000473	Phạm Hồng Minh	Châu	Nữ	14/05/2006	21T4-TKĐ1	6,09	Trung bình			
480	21003031	Trần Vũ Liên	Chi	Nữ	05/11/2006	21T4-TKĐ1	6,95	Trung bình			
481	21001480	Vô Thái	Chương	Nam	12/11/2006	21T4-TKĐ1	6,65	Trung bình			
482	21000395	Hà Thanh	Danh	Nam	17/05/2005	21T4-TKĐ1	6,89	Trung bình			
483	21000087	Dương Khả	Dung	Nữ	20/09/2006	21T4-TKĐ1	6,64	Trung bình			
484	21000531	Lê Quang	Duy	Nam	11/11/2005	21T4-TKĐ1	6,66	Trung bình			
485	21003812	Nguyễn Đa Ni	Ên	Nam	14/11/2006	21T4-TKĐ1	6,76	Trung bình			
486	21001524	Hoàng Đỗ Gia	Huy	Nam	08/11/2006	21T4-TKĐ1	6,26	Trung bình			
487	21000387	Vô Phạm Gia	Huy	Nam	09/11/2005	21T4-TKĐ1	7,00	Khá			
488	21000592	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	16/06/2001	21T4-TKĐ1	7,89	Khá			
489	21000137	Nguyễn Duy	Khanh	Nam	30/08/2005	21T4-TKĐ1	7,72	Khá			
490	21000576	Vô Lê Tuấn	Kiệt	Nam	23/09/2006	21T4-TKĐ1	6,12	Trung bình			
491	21000302	Phạm Thị Thùy	Linh	Nữ	16/04/2006	21T4-TKĐ1	7,03	Khá			
492	21000202	Trương Thị Mai	Linh	Nữ	27/09/2005	21T4-TKĐ1	7,51	Khá			
493	21004395	Đặng Nguyễn Hải	Long	Nam	08/02/2006	21T4-TKĐ1	7,39	Khá			
494	21000538	Phạm Hoàng	Minh	Nam	16/07/2003	21T4-TKĐ1	8,43	Giỏi			
495	21002810	Nguyễn Khánh Hồng	Ngọc	Nữ	01/07/2006	21T4-TKĐ1	6,62	Trung bình		TOEIC 350	
496	21000319	Nguyễn Dũng	Phát	Nam	30/08/2006	21T4-TKĐ1	8,47	Giỏi		TOEIC 350	
497	21000539	Nguyễn Hồng	Quân	Nam	21/04/2003	21T4-TKĐ1	6,79	Trung bình			
498	21004648	Trần Nguyên	Quang	Nam	02/11/2006	21T4-TKĐ1	7,93	Khá		TOEIC 300	
499	21000179	Trần Tuấn	Tài	Nam	06/03/2001	21T4-TKĐ1	8,32	Giỏi			
500	21000680	Nguyễn Ngọc Thanh	Thanh	Nữ	24/06/2006	21T4-TKĐ1	7,36	Khá			
501	21000294	Hồ Vĩnh	Tiến	Nam	23/11/2006	21T4-TKĐ1	7,34	Khá		TOEIC 300	
502	21001602	Lê Trọng	Tín	Nam	18/04/2006	21T4-TKĐ1	6,65	Trung bình		TOEIC 300	
503	21004574	Âu Dương Mỹ	Trân	Nữ	16/04/2003	21T4-TKĐ1	7,67	Khá			
504	21000514	Hoàng Thanh	Vinh	Nam	18/09/2006	21T4-TKĐ1	7,61	Khá			
505	21000399	Lâm Thành	Ý	Nam	19/09/2006	21T4-TKĐ1	5,64	Trung bình			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
506	21000132	Võ Thái	An	Nam	23/12/2006	21T4-TKD2	6,89	Trung bình			
507	21004481	Huỳnh Việt	Hoàng	Nam	08/11/2006	21T4-TKD2	7,19	Khá		TOEIC 300	
508	21002003	Nguyễn Huỳnh Gia	Huy	Nam	26/12/2006	21T4-TKD2	7,22	Khá			
509	21002401	Trần Đình	Huy	Nam	11/04/2005	21T4-TKD2	8,12	Giỏi			
510	21004616	Đặng Minh	Khang	Nam	10/09/2005	21T4-TKD2	7,48	Khá			
511	21000679	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	10/01/2006	21T4-TKD2	6,63	Trung bình			
512	21002434	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	14/11/2006	21T4-TKD2	7,23	Khá		TOEIC 300	
513	21000366	Phan Minh	Luân	Nam	31/08/2006	21T4-TKD2	6,35	Trung bình			
514	21004597	Trần Trọng	Nghĩa	Nam	20/05/2005	21T4-TKD2	5,82	Trung bình			
515	21002480	Ngô Gia	Phát	Nam	07/11/2006	21T4-TKD2	6,32	Trung bình			
516	21002594	Huỳnh Ngọc Băng	Tâm	Nữ	04/07/2006	21T4-TKD2	6,45	Trung bình			
517	21000075	Trần Quốc	Thái	Nam	06/12/2006	21T4-TKD2	7,94	Khá		TOEIC 300	
518	21002285	Đào Lưu Mạnh	Thắng	Nam	02/12/2006	21T4-TKD2	6,30	Trung bình			
519	21002427	Trần Ngọc Đan	Thanh	Nữ	24/04/2006	21T4-TKD2	7,57	Khá			
520	21002625	Trần Vũ Anh	Thư	Nữ	17/12/2005	21T4-TKD2	8,25	Giỏi			
521	21000070	Phạm Nguyễn Mạnh	Tiến	Nam	05/07/2006	21T4-TKD2	8,21	Giỏi		TOEIC 300	
522	21002632	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	Nữ	27/04/2006	21T4-TKD2	6,46	Trung bình		TOEIC 350	
523	21002421	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	Nữ	16/08/2006	21T4-TKD2	6,30	Trung bình		TOEIC 300	
524	21004351	Chu Hải	Bằng	Nam	07/09/2006	21T4-TKW1	5,85	Trung bình			
525	21002630	Phạm Trí	Dũng	Nam	12/08/2006	21T4-TKW1	7,67	Khá			
526	21002389	Lê Minh	Khoa	Nam	07/07/2006	21T4-TKW1	7,29	Khá			
527	21000219	Nguyễn Trần Hoàng	Nguyễn	Nam	14/01/2006	21T4-TKW1	8,48	Giỏi			
528	21000129	Nguyễn Hữu	Phong	Nam	24/09/2006	21T4-TKW1	7,68	Khá			
529	21001292	Phạm Quang	Phú	Nam	19/11/2004	21T4-TKW1	6,78	Trung bình			
530	21002417	Dương Ngọc	Trung	Nam	23/08/2006	21T4-TKW1	5,80	Trung bình			
531	21002234	Kim Quốc	Tuấn	Nam	20/09/2006	21T4-TKW1	7,66	Khá			
532	21004118	Nguyễn Văn	An	Nữ	28/12/2006	21T4-TMD1	7,20	Khá	X		
533	21000163	Nguyễn Gia	Bảo	Nam	09/05/2002	21T4-TMD1	8,22	Giỏi			
534	21002088	Lê Ngọc	Hân	Nữ	26/10/2006	21T4-TMD1	7,36	Khá			
535	21001576	Nguyễn Hồ Ngọc	Hiếu	Nữ	04/10/2006	21T4-TMD1	6,63	Trung bình	X	TOEIC 300	
536	21002830	Lê Nguyễn Khánh	Hoàng	Nam	06/12/2006	21T4-TMD1	8,15	Giỏi			
537	21003607	Nguyễn Việt	Huy	Nam	11/05/2006	21T4-TMD1	6,72	Trung bình			
538	21002924	Phạm Minh	Khang	Nam	01/08/2006	21T4-TMD1	6,91	Trung bình			
539	21002180	Trần Anh	Khoa	Nam	02/11/2006	21T4-TMD1	5,93	Trung bình		TOEIC 300	
540	21002697	Ngô Thị Ánh	Linh	Nữ	01/01/2006	21T4-TMD1	6,63	Trung bình	X		
541	21002147	Phạm Khánh	Nhi	Nữ	15/09/2006	21T4-TMD1	8,14	Giỏi	X		
542	21000335	Huỳnh Văn	Phong	Nam	07/12/2005	21T4-TMD1	7,42	Khá	X		
543	21001673	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	10/03/2006	21T4-TMD1	6,84	Trung bình	X		
544	21000713	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	09/11/2006	21T4-TMD1	6,39	Trung bình			
545	21000144	Trần Nguyễn Bảo	Trân	Nữ	15/04/2006	21T4-TMD1	6,88	Trung bình			
546	21003247	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	Nam	17/05/2006	21T4-TMD1	6,06	Trung bình			
547	21004723	Nguyễn Ngọc Phương	Trình	Nữ	23/03/2005	21T4-TMD1	6,59	Trung bình			
548	21001990	Trần Đình	Tuấn	Nam	14/03/2006	21T4-TMD1	7,10	Khá			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
									Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
549	21003791	Nguyễn Tất	Đạt	Nam	13/07/2006	21T4-VSL1	8,62	Giỏi			
550	21004680	Đỗ Quang	Dự	Nam	06/04/2006	21T4-VSL1	8,02	Khá			Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Thi lại môn Ngữ văn 1, Nhiệt động kỹ thuật)
551	21001809	Huỳnh Thái	Huy	Nam	17/02/2006	21T4-VSL1	6,94	Trung bình			
552	21000096	Võ Vĩnh	Khang	Nam	25/06/2006	21T4-VSL1	6,93	Trung bình			
553	21003990	Bùi Phong	Khoa	Nam	05/06/2005	21T4-VSL1	7,97	Khá			
554	21003160	Trần Hồng Anh	Khoa	Nam	23/05/2006	21T4-VSL1	8,59	Giỏi			
555	21004110	Nguyễn Hoàng	Kiểm	Nam	25/03/2006	21T4-VSL1	7,10	Khá			
556	21002351	Nguyễn Hoàng Anh	Kiệt	Nam	13/12/2006	21T4-VSL1	7,35	Khá			
557	21002650	Huỳnh Thanh	Lộc	Nam	12/05/2006	21T4-VSL1	6,78	Trung bình			
558	21000417	Nguyễn Bá	Lộc	Nam	09/08/2006	21T4-VSL1	7,66	Khá			
559	21004219	Nguyễn Văn	Lộc	Nam	13/11/2005	21T4-VSL1	8,73	Giỏi			
560	21003264	Nguyễn Hải	Quân	Nam	06/01/2006	21T4-VSL1	7,16	Khá			
561	21002878	Nguyễn Minh	Quân	Nam	03/06/2006	21T4-VSL1	7,67	Khá			

Tổng cộng danh sách có **561** sinh viên.

* Loại **XUẤT SẮC** : 06 SV # 1,07 %
 * Loại **GIỎI** : 72 SV # 12,83 %
 * Loại **KHÁ** : 198 SV # 35,29 %
 * Loại **TRUNG BÌNH** : 285 SV # 50,80 %

Trong đó: Đã có CC Anh văn/Ngoại ngữ 2 : 157
 Đã có CC Tin học : 105 (không tính SV thuộc khoa CNTT)

